

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THẠCH LÂM**

Số: 90/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thạch Lâm, ngày 24 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THẠCH LÂM

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Thạch Lâm về việc phê chuẩn Quyết định thu ngân sách trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Xét đề nghị của Tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của UBND xã Thạch Lâm.

(Có các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND, UBND xã, tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để T/hiện);
- Phòng tài chính (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- TT UBND xã;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Ngô Văn Khánh



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.080.800.000	TỔNG SỐ CHI	6.033.800.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	15.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	97.000.000	II. Chi thường xuyên	5.915.800.000
III. Thu bổ sung	5.968.800.000	III. Dự phòng	118.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.968.800.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ĐỀ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Đề toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu ngân sách xã	6.033.800.000	6.033.800.000
I	Các khoản thu 100%	15.000.000	15.000.000
	Phí BVMT		
	- Phí, lệ phí	15.000.000	15.000.000
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	- Thu khác		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	50.000.000	50.000.000
1	Các khoản thu phân chia		
1.1	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
1.2	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	3.000.000	3.000.000
1.4	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	47.000.000	47.000.000
2.1	Thuế thu nhập cá nhân	10.000.000	10.000.000
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.3	Thu tiền sử dụng đất		
2.4	Thuế tài nguyên		
2.5	Thuế giá trị gia tăng	37.000.000	37.000.000
2.6	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.968.800.000	5.968.800.000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.968.800.000	5.968.800.000
	- Bổ sung có mục tiêu		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	6.033.800.000		6.033.800.000
	Trong đó:			
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	110.000.000		110.000.000
	- Chi dân quân tự vệ	60.000.000		60.000.000
	- Chi trật tự an toàn xã hội	50.000.000		50.000.000
2	Chi giáo dục	44.440.000		44.440.000
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
4	Chi y tế			
5	Chi văn hóa, thông tin	123.000.000		123.000.000
6	Chi phát thanh, truyền thanh			
7	Chi thể dục, thể thao	30.000.000		30.000.000
8	Chi bảo vệ môi trường	40.000.000		40.000.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	88.103.000		88.103.000
	- Giao thông	88.103.000		88.103.000
	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản			
	- Thị chính			
	- Thương mại, du lịch			
	- Các hoạt động kinh tế khác			
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.480.257.000		5.480.257.000
	Trong đó: Quỹ lương			
10.1	Quản lý Nhà nước	3.049.276.000		3.049.276.000
10.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	1.131.373.000		1.131.373.000
10.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	455.055.000		455.055.000
10.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	201.489.000		201.489.000
10.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	228.543.000		228.543.000
10.6	Hội Cựu chiến binh	203.866.000		203.866.000
10.7	Hội Nông dân	210.655.000		210.655.000
10.11	Chi các đơn vị khác			
11	Chi cho công tác xã hội			
	- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác			
	- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
	- Trợ cấp xã hội			
	- Khác			
12	Chi khác			
13	Dự phòng	118.000.000		118.000.000
14	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau			
	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			